

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LỤC NGẠN
TỈNH BẮC GIANG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

Bản án số: 80/2019/HNGĐ-ST

Ngày 26/9/2019.

“V/v Tranh chấp Hôn nhân và gia đình”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC NGẠN

Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lương Thị Ngọc Hà.

**Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Lý Thị Liên.

Ông Trần Đăng Thanh.

** Thư ký ghi biên bản phiên tòa:* Bà Vũ Thị Thu Trang - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn.

**Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Ngạn tham gia phiên tòa:*

Ông Nguyễn Đức Cường - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 9 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 65/2019/TLST - HNGĐ ngày 22 tháng 02 năm 2019 Về việc “ Tranh chấp Hôn nhân và Gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 74/2019/ QĐXX - ST ngày 19 tháng 8 năm 2019 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Chị **Diệp Thị T** - Sinh năm 1985(Có mặt).

* Bị đơn: Anh **Lê Văn Đ** - Sinh năm 1984(Vắng mặt).

Đều trú tại: Thôn T, xã N, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Trong đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 05/12/2018, những lời khai tiếp theo và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn chị Diệp Thị T trình bày:*

Chị và anh Lê Văn Đ kết hôn với nhau từ ngày 24/3/2008. Trước khi kết hôn anh chị có được tự nguyện tìm hiểu, được gia đình tổ chức cưới theo phong tục địa phương và đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Sau ngày cưới, vợ chồng về chung sống cùng nhau ngay tại thôn T, xã N, huyện , tỉnh Bắc Giang. Ban đầu tình cảm vợ chồng hoà thuận, hạnh phúc.

Mâu thuẫn vợ chồng: Chị T xác định phát sinh căng thẳng trầm trọng từ tháng 11 năm 2018 (Âm lịch), nguyên nhân do anh Đ thường xuyên ghen vì nghi ngờ rằng chị có quan hệ với người đàn ông khác sau đó đánh đập chị nên chị đã bỏ về nhà ngoại tại thôn T, xã H, huyện L, tỉnh Bắc Giang sống ly thân anh Đ từ tháng 11 năm 2018 (Âm lịch) đến nay, không ai quan tâm đến ai. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã căng thẳng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, không thể duy trì cuộc sống hôn nhân được nữa. Chị vẫn giữ nguyên yêu cầu đề nghị Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn giải quyết cho chị và anh Lê Văn Đ được ly hôn nhau.

* Về con chung: Chị T xác định vợ chồng có 02 con chung là Lê Quang M, sinh ngày 30/11/2008 và Lê Diễm Q, sinh ngày 29/9/2010. Hiện hai con chung đang ở cùng anh Đ. Sau khi ly hôn do hai con chung đã lớn đều trên 7 tuổi và hai con cùng có nguyện vọng ở cùng chị thì chị nhận trách nhiệm nuôi dưỡng cả hai con chung và không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị, việc anh Đ có trách nhiệm với con chung ra sao là tùy ở anh Đ chị không có ý kiến.

* Về tài sản chung, công nợ chung: Chị T xác định vợ chồng không có tài sản chung, không liên quan vay nợ chung nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

*** Tại Bản tự khai, biên bản ghi lời khai ngày 05/3/2019, bị đơn anh Lê Văn Đ trình bày:**

Anh và chị Diệp Thị T kết hôn với nhau từ ngày 24/3/2008. Trước khi kết hôn anh chị có được tự nguyện tìm hiểu, không bị ai ép buộc, được gia đình tổ chức cưới theo phong tục địa phương và đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Sau ngày cưới, vợ chồng về chung sống cùng nhau ngay tại thôn T, xã N, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Ban đầu tình cảm vợ chồng hoà thuận, hạnh phúc.

Mâu thuẫn vợ chồng: Anh Đ xác định phát sinh từ đầu năm 2018, đến tháng 11 năm 2018 (Âm lịch) thì mâu thuẫn căng thẳng, nguyên nhân do chị T có quan hệ với người đàn ông khác anh có khuyên bảo nhưng chị T không nghe và bỏ về nhà ngoại sống ly thân anh từ đó đến nay, không ai quan tâm đến ai. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã căng thẳng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, anh chị không thể duy trì cuộc sống hôn nhân được nữa. Nên chị T xin ly hôn anh thì anh hoàn toàn nhất trí.

* Về con chung: Anh Đ xác định vợ chồng có hai con chung là Lê Quang M, sinh ngày 28/11/2008 và Lê Diễm Q, sinh ngày 29/9/2010. Hiện hai con chung đang ở cùng anh. Sau khi ly hôn do hai con chung có nguyện vọng ở cùng chị T, thì anh nhất trí theo nguyện vọng của các con và anh sẽ có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung cùng với chị T.

* Về tài sản chung, vay nợ chung: Anh Đ xác định vợ chồng không có tài sản chung, không liên quan vay nợ chung nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

* Tại bản tự khai ngày 05/3/2019 cháu Lê Quang M, sinh ngày 30/11/2008 là con chung của chị T và anh Đ trình bày: Cháu có biết việc bố mẹ cháu mâu thuẫn, mẹ cháu bỏ về bà ngoại không sống cùng bố con cháu đã mấy tháng nay và bố cháu vẫn chăm sóc cho anh em cháu việc sinh hoạt và học hành hàng ngày đầy đủ. Cháu yêu quý cả hai bố mẹ, cháu muốn bố mẹ cháu chung sống cùng nhau để nuôi dạy anh em cháu khôn lớn trưởng thành. Nếu bố mẹ cháu không ở cùng nhau nữa thì cháu có nguyện vọng được ở với mẹ T. Mong Tòa án chấp nhận nguyện vọng của cháu.

* Tại bản tự khai ngày 05/3/2019 cháu Lê Diễm Q, sinh ngày 29/9/2010 là con chung của chị T và anh Đ trình bày: Cháu có biết việc bố mẹ cháu mâu thuẫn, mẹ cháu bỏ về bà ngoại không sống cùng bố con cháu đã mấy tháng nay và bố cháu vẫn chăm sóc, lo lắng cho anh em cháu sinh hoạt hàng ngày và học hành đầy đủ. Cháu yêu quý cả hai bố mẹ, cháu muốn bố mẹ cháu chung sống cùng nhau để nuôi dạy anh em cháu khôn lớn trưởng thành. Nếu bố mẹ cháu không ở cùng nhau nữa thì cháu có nguyện vọng được ở với mẹ T. Mong Tòa án chấp nhận nguyện vọng của cháu.

Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm giải quyết vụ án và ý kiến về thủ tục tố tụng của Tòa án trong quá trình thụ lý cũng như giải quyết vụ án và sự chấp hành pháp luật của các đương sự theo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Đại diện Viện kiểm sát đề nghị:

- Áp dụng khoản 1 Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 28; Điều 35; 39; khoản 4 điều 147; Điều 271; Điều 273 và Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự; Các điều 3; 6; 26; 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Diệp Thị T được ly hôn với anh Lê Văn Đ.

- Về quan hệ con chung: Giao cho chị Diệp Thị T nuôi dưỡng chăm sóc con chung là Lê Quang M, sinh ngày 28/11/2008 và Lê Diễm Q, sinh ngày 29/9/2010. Sau khi ly hôn, anh Đ có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở. Việc cấp dưỡng nuôi con chung do chị T không yêu cầu nên Tòa án không đặt ra xem xét giải quyết.

- Về tài sản và công nợ chung: Không đặt ra giải quyết.

- Về án phí: Chị Diệp Thị T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng vào phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Việc thụ lý và giải quyết vụ án dân sự về tranh chấp hôn nhân và gia đình giữa các đương sự có nơi cư trú tại huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang nên thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn là anh Lê Văn Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ hai lần nhưng vẫn vắng mặt. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị Diệp Thị T và anh Lê Văn Đ là hợp pháp. Quá trình chung sống: Chị T xác định vợ chồng mâu thuẫn, nguyên nhân do anh Đ thường xuyên ghen vì nghi ngờ chị có quan hệ với người đàn ông khác sau đó đánh đập chị nên chị đã bỏ về nhà ngoại tại thôn T, xã H, huyện L, tỉnh Bắc Giang sống ly thân anh Đông từ tháng 11 năm 2018 (Âm lịch) đến nay, không ai quan tâm đến ai. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã căng thẳng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, không thể duy trì cuộc sống hôn nhân được nữa. Chị vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn anh Lê Văn Đ.

Anh Đông cho rằng vợ chồng có mâu thuẫn, nguyên nhân do chị T có quan hệ với người đàn ông khác anh có khuyên bảo nhưng chị T không nghe và bỏ về nhà ngoại sống ly thân anh từ đó đến nay, không ai quan tâm đến ai. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã căng thẳng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, anh chị không thể duy trì cuộc sống hôn nhân được nữa. Nên chị T xin ly hôn anh thì anh hoàn toàn nhất trí.

Vì vậy Tòa án đã tiến hành hòa giải về quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh Đ, nhưng anh Đ không đến Tòa án theo giấy báo. Nên Tòa án không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa hôm nay chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị không thể chung sống cùng anh Đ được nữa nên chị vẫn giữ nguyên yêu cầu đề nghị Hội đồng xét xử cho chị được ly hôn với anh Lê Văn Đ. Xét chị T và anh Đ sống ly thân nhau đã lâu, không ai quan tâm đến ai. Chị T xin ly hôn, anh Đ xác định tình cảm vợ chồng không còn mâu thuẫn đã căng thẳng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, anh chị không thể duy trì cuộc sống hôn nhân được nữa. Nên chị T xin ly hôn anh thì anh hoàn toàn nhất trí.

Chúng tôi mâu thuẫn giữa chị T và anh Đ đã căng thẳng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, chị T xin ly hôn anh Đ là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Cần cho chị Diệp Thị T được ly hôn với anh Lê Văn Đ.

- Về con chung: Chị Diệp Thị T và anh Lê Văn Đ đều xác định vợ chồng có hai con chung là Lê Quang M, sinh ngày 28/11/2008 và Lê Diễm Q, sinh ngày 29/9/2010. Do con chung của anh chị còn nhỏ, nhưng đã trên bảy tuổi và đều có nguyện vọng ở với chị T, anh Đ nhất trí để con chung ở với chị T, chị T nhận trách nhiệm nuôi dưỡng hai con chung và không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị. Do anh Đ không thường xuyên có mặt tại địa phương và hai con chung cùng có nguyện vọng được ở với chị T và anh Đ cũng nhất trí, nên để đảm bảo quyền lợi của con chung Hội đồng xét xử cần giao cháu Lê Quang M, sinh ngày 28/11/2008 và Lê Diễm Q, sinh ngày 29/9/2010 cho chị T được nuôi dưỡng là phù hợp với Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình 2014.

Sau khi ly hôn anh Đ có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở. Việc cấp dưỡng nuôi con chung do chị T không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung, công nợ chung: Chị Diệp Thị T và anh Lê Văn Đ đều xác định vợ chồng không có tài sản chung, không liên quan vay nợ chung nên không đề nghị Tòa án giải quyết. Vì vậy Tòa án không đặt ra xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Chị Diệp Thị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56; Các Điều 58; 81; 82; 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 28; Điều 35; Điều 39; khoản 4 điều 147; Điều 271; Điều 273 và Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự; Các điều 3; 6; 26; 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Diệp Thị T.

1. Về quan hệ tình cảm: Cho chị Diệp Thị T được ly hôn với anh Lê Văn Đ.

2. Về quan hệ con chung: Giao cho chị Diệp Thị T nuôi dưỡng con chung là Lê Quang M, sinh ngày 28/11/2008 và Lê Diễm Q, sinh ngày 29/9/2010. Sau khi ly hôn, anh Đ có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Việc cấp dưỡng nuôi con chung không đặt ra xem xét giải quyết.

3. Về tài sản và công nợ chung của chị T, anh Đ: Không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Chị Diệp Thị T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng chẵn) án phí ly hôn sơ thẩm. Xác định chị T đã nộp đủ 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng chẵn) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số AA/2018/0005312 ngày 21/02/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Lục Ngạn.

Đương sự có mặt, có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án xét xử vắng mặt.

Nơi nhân:

- VKSND huyện Lục Ngạn;
- TAND Tỉnh Bắc Giang;
- THADS huyện Lục Ngạn;
- Đương sự;
- UBND xã N;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lương Thị Ngọc Hà

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lương Thị Ngọc Hà

Nơi nhân:

- VKSND huyện Lục Ngạn;
- TAND Tỉnh Bắc Giang;

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

- THADS huyện lục ngân;
- Dương sự;
- UBND xã Nghĩa Hồ;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

Lương Thị Ngọc Hà

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Khúc Văn Bằng

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhân:

- VKSND huyện Lục Ngạn;
- TAND Tỉnh Bắc Giang;
- THADS huyện Lục Ngạn;
- Đường sự;
- UBND xã Phì Điền;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:

- VKSND huyện Lục Ngạn;
- TAND Tỉnh Bắc Giang;
- THADS huyện Lục Ngạn;
- Đương sự;
- UBND xã Hồng Giang;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:

- VKSND huyện Lục Ngạn;
- TAND Tỉnh Bắc Giang;
- THADS huyện Lục Ngạn;
- Đương sự;
- UBND xã Trù Hựu
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:

- VKSND huyện Lục Ngạn;
- TAND Tỉnh Bắc Giang;
- THADS huyện Lục Ngạn;
- Dương sự;
- UBND xã Trù Hựu
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Chị Trần Thị Thúy còn phải chịu 200.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại khoản 10 Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án.

Sau khi án có hiệu lực pháp luật, bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, bên phải thi hành án không tự nguyện thi hành thì hàng tháng còn phải

chịu lãi xuất đối với khoản tiền phải thi hành án theo mức lãi xuất cơ bản của Ngân hàng tương ứng với thời điểm chậm thi hành án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7,9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Lục Ngạn;
- TAND Tỉnh Bắc Giang;
- THADS huyện Lục Ngạn;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa